TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ - ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Quách Đình Hoằng
2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 624/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc: "***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Huỳnh Lê T, sinh năm 1984
Địa chỉ: 292 Ấp LG, xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989
Địa chỉ: 135 LĐH, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai
Các đương sự đều vắng mặt có Đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Huỳnh Lê T vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2023, Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2023, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22 tháng 6 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của anh Huỳnh Lê T như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh ngày 04 tháng 6 năm 2009. Quá trình chung sống, do không hợp nhau nên anh và chị D đã sống ly thân gần 04 năm. Chị D tự ý bỏ về quê ngoài Gia Lai sinh sống cách đây đã gần 04 năm, anh chị đã cố gắng nối lại tình cảm nhưng không

thể hàn gắn được. Anh và chị D đều nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân nên thống nhất chấm dứt hôn nhân. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy D có 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Cháu H đang chung sống với chị D nên anh không tranh chấp, đồng ý giao cháu H cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy D đã thống nhất để lại nhà và đất tại ấp LT, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh cho cháu Huỳnh Nguyễn Minh H khi cháu đủ 18 tuổi và anh chị không có nghĩa vụ chung pH thực hiện nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 31 tháng 8 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của chị Nguyễn Thị Thùy D như sau:

Chị và anh Huỳnh Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh ngày 04 tháng 6 năm 2009. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn, chị đã dẫn con về Gia Lai sinh sống đã gần 04 năm nay. Năm 2022, anh Huỳnh Lê T có đơn phương ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố P nhưng chị vì thương con nên không đồng ý. Chị muốn hàn gắn tình cảm để con cái có một gia đình có đủ cả cha và mẹ nhưng sau một năm tình cảm vẫn không tiến triển. Nay anh Huỳnh Lê T tiếp tục yêu cầu ly hôn, chị tự nhận thấy không còn khả năng tái hợp nên quyết định đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Chị và anh Huỳnh Lê T có 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Huỳnh Nguyễn Minh H theo nguyện vọng của con. Anh T cũng đồng ý giao cháu H cho chị nuôi dưỡng và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Huỳnh Lê T đã thống nhất để lại nhà và đất tại ấp LT, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh cho cháu Huỳnh Nguyễn Minh H khi cháu đủ 18 tuổi và anh chị không có nghĩa vụ chung phải thực hiện nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Huỳnh Lê T và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh ngày 04 tháng 6 năm 2009. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị D đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn chị D cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thẩm

quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Anh T và chị D có Đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt trong đó anh chị giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Anh Huỳnh Lê T và chị Nguyễn Thị Thùy D thống nhất trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng đến mức đã sống ly thân gần 04 năm. Năm 2022, anh T đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết ly hôn nhưng chị D không đồng ý. Đến nay, anh chị thống nhất không còn khả năng duy trì cuộc hôn nhân nên quyết định thuận tình ly hôn.

Như vậy, chính anh chị đã nhìn nhận mức độ tình cảm của bản thân dành cho đối phương cũng như xác định mối quan hệ hôn nhân đến thời điểm này chỉ là tồn tại trên danh nghĩa, là rào cản mà không pH là nền tảng của hạnh phúc.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh Huỳnh Lê T và chị Nguyễn Thị Thùy D phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Lê T, xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Anh Huỳnh Lê T và chị Nguyễn Thị Thùy D có 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009.

Cháu Huỳnh Nguyễn Minh H hiện đang sống với chị D, cháu có nguyện vọng tiếp tục chung sống chị D sau ly hôn và anh T đồng ý giao cháu H cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Trên cơ sở tôn trọng ý chí của cháu H cùng nguyện vọng của anh T và chị D không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao Huỳnh Nguyễn Minh H cho chị Nguyễn Thị Thùy D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Lê T đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo nhu cầu tối thiểu nhất của một con người, Hội đồng xét xử dựa vào mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ - CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 là 1.800.000 đồng/tháng. Sau khi cân nhắc chi phí nuôi con tại khu vực thành phố loại I, Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh Huỳnh Lê T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009 với số tiền cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng

Vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Huỳnh Lê T và chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Anh Huỳnh Lê T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 89, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Huỳnh Lê T

Anh Huỳnh Lê T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D

2. Về con chung:

Giao 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Lê T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Minh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009 với số tiền cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tổng cộng 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, anh Huỳnh Lê T phải nộp toàn bộ nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp trước đây theo biên lai số 0001240 ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Anh Huỳnh Lê T còn phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn anh Huỳnh Lê T và bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Ủy ban nhân dân xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh (Chứng nhận kết hôn số 29 ngày 04/6/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**